

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 21/6/2017;

Căn cứ Văn bản số 1444/UBND-TH ngày 13/05/2024 của Chủ tịch UBND thị xã Hoài Nhơn về việc đấu giá cho thuê mặt bằng xây dựng công trình dịch vụ, xăng dầu và Nhà lồng Cảng cá Tam Quan (khu D);

Căn cứ Phương án số 02/PA-BQLCCDVĐT ngày 24/04/2024 của Ban Quản lý Cảng cá và Dịch vụ đô thị về việc cho thuê theo hình thức đấu giá Nhà lồng cảng cá Tam Quan (Khu D);

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-BQLCCDVĐT ngày 31/5/2024 của Ban Quản lý Cảng cá và Dịch vụ đô thị về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê nhà lồng Cảng cá Tam Quan (Khu D);

Ban Quản lý Cảng cá và Dịch vụ đô thị thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá để tổ chức bán đấu giá đấu giá Nhà lồng Cảng cá Tam Quan (Khu D), cụ thể như sau:

**1. Tên, địa chỉ của Người có tài sản đấu giá**

Tên đơn vị: Ban Quản lý Cảng cá và Dịch vụ đô thị thị xã Hoài Nhơn. Địa chỉ: Khu phố Tân Thành 2, phường Tam Quan Bắc, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định.

**2. Thông tin về tài sản đấu giá**

- Tài sản đấu giá: Nhà lồng Cảng cá Tam Quan (khu D), số lô: 15 lô Nhà lồng.
- Giá khởi điểm:

| STT | Khu vực, vị trí                   | Số lô | Kích thước             |           | Diện tích (m <sup>2</sup> /lô) | Giá khởi điểm (đồng/lô/tháng) |
|-----|-----------------------------------|-------|------------------------|-----------|--------------------------------|-------------------------------|
|     |                                   |       | Mặt tiền (chiều ngang) | Chiều dài |                                |                               |
| 1   | Nhà lồng Cảng cá Tam Quan (khu D) | 15    | 6                      | 30        | 180                            | 8.000.000                     |

**3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá**

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo Quy định tại Điều 3 theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

- Tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá;

- Tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

- Tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;

- Tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố;

- Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định;

**(Đính kèm bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản)**

- Tiêu chí khác ngoài các tiêu chí theo Quy định tại Điều 3 theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp:

+ Tổ chức đấu giá tài sản đã thực hiện tổ chức đấu giá thành công tài sản tương tự nhiều cuộc đấu giá nhất trong năm 2023 (thông qua các Hợp đồng đã ký kết hoàn thành): cộng 04 điểm.

+ Tổ chức đấu giá tài sản trong năm 2023 đã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá và tổ chức đấu giá thành công tài sản tương tự: cộng 01 điểm.

#### **4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá**

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Từ ngày 28/06/2024 đến ngày 04/07/2024 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Văn phòng Ban Quản lý Cảng cá và Dịch vụ đô thị thị xã Hoài Nhơn - Địa chỉ: **2330 Quang Trung, khu phố An Dương 2, phường Hoài Tân, Thị xã Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định.**

- Số điện thoại liên hệ: 0964249777

▪ Lưu ý:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, không nhận hồ sơ qua đường Bưu điện;

- Người đến nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu của cơ quan và CCCD để đối chiếu.

- Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá đóng thành quyển, niêm phong, không trả lại hồ sơ nếu không được lựa chọn;

Ban Quản lý Cảng cá và Dịch vụ đô thị thị xã Hoài Nhơn thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản có đủ các tiêu chí, điều kiện nêu trên biết, đăng ký tham gia theo quy định./.

#### **Nơi nhận:**

- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;

- UBND thị xã (thay b/c);

- Trang thông tin điện tử thị xã;

- Tổ chuyên gia xét thầu theo QĐ số: 17/QĐ-BQLCCDVĐT;

- Lưu VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Khải**



**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ,  
CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**  
(Đính kèm theo Thông báo số.....  
của Ban Quản lý Cảng cá và Dịch vụ đô thị)

| <b>TT</b>  | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>MỨC TỐI ĐA</b> |
|------------|---|-------------------|
| <b>I</b>   | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá tài sản</b>  | <b>23</b>         |
| <b>1</b>   | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>  | <b>11</b>         |
| 1.1        | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)  | 6                 |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện   | 5                 |
| <b>2</b>   | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>  | <b>8</b>          |
| 2.1        | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá   | 4                 |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá  | 4                 |
| <b>3</b>   | <b>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</b>  | <b>2</b>          |
| <b>4</b>   | <b>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</b>  | <b>1</b>          |
| <b>5</b>   | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>   | <b>1</b>          |
| <b>II</b>  | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>  | <b>22</b>         |
| <b>1</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</b>  | <b>4</b>          |
| <b>2</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>  | <b>4</b>          |
| <b>3</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã</b>   | <b>4</b>          |
| <b>4</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</b>  | <b>4</b>          |
| <b>5</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</b>  | <b>3</b>          |
| <b>6</b>   | <b>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</b>   | <b>3</b>          |
| <b>III</b> | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>  | <b>45</b>         |
| <b>1</b>   | <b>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng).<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</b> | <b>6</b>          |
| 1.1        | Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)  | 2                 |
| 1.2        | Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng   | 3                 |
| 1.3        | Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng   | 4                 |

|     |   |    |
|-----|---|----|
| 1.4 | Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng   | 5  |
| 1.5 | Từ 30 hợp đồng trở lên  | 6  |
| 2   | <b>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá đã thực hiện. Không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng).<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5.</b>  | 18 |
| 2.1 | Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)   | 10 |
| 2.2 | Từ 20% đến dưới 40%   | 12 |
| 2.3 | Từ 40% đến dưới 70%   | 14 |
| 2.4 | Từ 70% đến dưới 100%  | 16 |
| 2.5 | Từ 100% trở lên   | 18 |
| 3   | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</b>   | 5  |
| 3.1 | Dưới 03 năm   | 3  |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm   | 4  |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên   | 5  |
| 4   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</b>   | 3  |
| 4.1 | 01 đấu giá viên   | 1  |
| 4.2 | Từ 02 đến 04 đấu giá viên   | 2  |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên  | 3  |
| 5   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</b> | 4  |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên  | 2  |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên  | 3  |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên   | 4  |
| 6   | <b>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm 2021, trừ thuế giá trị gia tăng.<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</b>  | 5  |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng  | 2  |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng  | 3  |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng   | 4  |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên   | 5  |
| 7   | <b>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động.<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</b>  | 3  |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)   | 2  |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên   | 3  |

|                     |  |                           |
|---------------------|--|---------------------------|
| 8                   | <i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>  | 1                         |
| IV                  | <b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp<br/>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</b>  | 5                         |
| 1                   | <i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>   | 3                         |
| 2                   | <i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>       | 4                         |
| 3                   | <i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i> | 5                         |
| V                   | <b>Tiêu chí do người có tài sản đấu giá quyết định:</b>  | 5                         |
| 1                   | <i>Tổ chức đấu giá tài sản đã thực hiện tổ chức đấu giá thành công tài sản tương tự nhiều cuộc đấu giá nhất trong năm 2023 (thông qua các Hợp đồng đã ký kết hoàn thành)</i>   | 4                         |
| 2                   | <i>Tổ chức đấu giá tài sản trong năm 2023 đã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá và tổ chức đấu giá thành công tài sản tương tự</i>  | 1                         |
| <b>TỔNG SỐ ĐIỂM</b> |  | <b>100</b>                |
| VI                  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>  |                           |
| 1                   | <i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>  | <i>Đủ điều kiện</i>       |
| 2                   | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>  | <i>Không đủ điều kiện</i> |